

TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA
PHẠM NGỌC THẠCH
KHOA DƯỢC

Số: 820/QĐ-KD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo
chuyên ngành Tổ chức quản lý dược trình độ Chuyên khoa cấp I

TRƯỞNG KHOA DƯỢC - TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y KHOA PHẠM NGỌC THẠCH

Căn cứ Quyết định số 911/QĐ-TĐHYKPNT ngày 25 tháng 3 năm 2024 của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch về việc ban hành chương trình đào tạo chuyên ngành Tổ chức quản lý dược trình độ Chuyên khoa cấp I;

Theo đề nghị của Ban Quản lý Đào tạo Sau đại học - Đào tạo liên tục thuộc Văn phòng khoa Dược.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo chuyên ngành Tổ chức quản lý dược trình độ Chuyên khoa cấp I tại Khoa Dược, mã số: CK 607320 (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Chương trình đào tạo này được triển khai đối với học viên trúng tuyển. Trong quá trình thực hiện, Bộ môn, Ban Quản lý Đào tạo Sau đại học - Đào tạo liên tục có nhiệm vụ báo cáo, đề xuất các cập nhật, đánh giá chương trình đào tạo để điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thực tế.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Bộ môn, giảng viên tham gia giảng dạy, Văn phòng khoa Dược và toàn thể học viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: B.QLĐTSDH-ĐTTLT, Pol_2b

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

Võ Quang Trung

PHỤ LỤC
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH
TỔ CHỨC QUẢN LÝ DƯỢC TRÌNH ĐỘ CHUYÊN KHOA CẤP I

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 820/QĐ-KD, ngày 31 tháng 10 năm 2024
của Khoa Dược, Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch)*

I. Thông tin chung chương trình đào tạo

- Mã ngành: CK 60 73 20
- Trình độ đào tạo: Dược sĩ Chuyên khoa cấp I
- Chuyên ngành đào tạo: Tổ chức quản lý dược
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Phương thức đào tạo: Tập trung
- Hình thức tuyển sinh và môn thi tuyển: Theo quy định của Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch được mô tả cụ thể trong Thông báo tuyển sinh Sau đại học hàng năm.
- Thời gian đào tạo theo kế hoạch học tập chuẩn toàn khóa: 2 năm.

II. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Kiến thức

PLO1. Vận dụng được kiến thức trong thực hiện chiến lược phát triển khoa học công nghệ, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân;

PLO2. Làm chủ kiến thức chuyên môn trong công tác tổ chức và quản lý đơn vị sự nghiệp; giải quyết những vấn đề thực tiễn của ngành dược tại đơn vị công tác;

PLO3. Hiểu được một số kiến thức liên ngành liên quan đến tổ chức quản lý dược.

Kỹ năng

PLO4. Tổ chức và quản lý dược các hoạt động nghề nghiệp như quản lý tồn trữ, đấu thầu mua sắm, bảo quản thuốc, trang thiết bị và vật tư y tế; phân tích tình hình sử dụng thuốc; xây dựng chiến lược phát triển sản phẩm dược phẩm.

PLO5. Phối hợp tổ chức, xây dựng, triển khai thực hiện được các văn bản quy phạm pháp luật về dược và kiểm tra việc thực hiện các văn bản đó.

PLO6. Phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin và các phương pháp, kỹ thuật tiên tiến để đưa ra giải pháp xử lý những vấn đề thực tiễn của ngành dược tại đơn vị công tác.

PLO7. Giao tiếp có hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh; phối hợp tốt với đồng

RL

nghiệp để triển khai các hoạt động nghề nghiệp.

PLO8. Có khả năng sử dụng một ngoại ngữ để đọc, hiểu, giao tiếp cơ bản đáp ứng yêu cầu trong quá trình công tác.

Mức tự chủ và trách nhiệm

PLO9. Tôn trọng luật pháp, thực hiện đúng và đầy đủ những yêu cầu pháp lý, đạo đức hành nghề trong thực hành nghề nghiệp;

PLO10. Phản biện các vấn đề bất cập trong quá trình hành nghề và đưa ra giải pháp xử lý kịp thời, phù hợp;

PLO11. Có khả năng thích nghi, tự định hướng, tự học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.

III. Mục tiêu đào tạo

3.1. Triết lý giáo dục của trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

“Giáo dục toàn diện - Hướng về cộng đồng - Lấy người học làm trung tâm”.

3.2. Sứ mạng, tầm nhìn, chiến lược của Trường

- Sứ mạng: “Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng”.

- Tầm nhìn: “Phát triển thành một trong những Đại học khoa học sức khỏe hàng đầu trong cả nước, hội nhập quốc tế”.

- Chiến lược: Phát triển thành Trường Đại học sức khỏe hàng đầu trong nước. Có các chương trình đào tạo chất lượng cao, đạt chuẩn khu vực và quốc tế. Tăng cường nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, lấy người học làm trung tâm với đội ngũ giảng viên được phát triển. Quản trị đại học theo hình thức tiên tiến, dựa trên công nghệ 4.0. Đổi mới toàn diện giáo dục và đào tạo.

3.3. Mục tiêu của chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo chuyên ngành Tổ chức quản lý dược trình độ chuyên khoa cấp I có mục tiêu đào tạo như sau:

Mục tiêu chung

Đào tạo dược sĩ chuyên khoa cấp I có kiến thức lý thuyết sâu, rộng, làm chủ kiến thức trong lĩnh vực Tổ chức quản lý dược và kiến thức liên ngành; có kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin để xử lý vấn đề và đưa ra kết luận mang tính chuyên gia trong quá trình quản lý hoạt động cung ứng và sử dụng thuốc; có kỹ năng sử dụng các công nghệ tiên tiến, các phát kiến mới trong công tác quản lý dược; có kỹ năng truyền đạt, phổ biến kiến thức trong lĩnh vực tổ chức quản lý dược; có khả năng tự

định hướng, tự thích nghi; có khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động hành nghề được tại đơn vị công tác.

Mục tiêu cụ thể

Kiến thức

Hiểu và truyền đạt được các kiến thức, nguyên lý, học thuyết cơ bản trong công tác tổ chức và quản lý các đơn vị sự nghiệp ngành Dược; kiến thức về chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong công tác quản lý cung cấp và sử dụng thuốc, nâng cao chất lượng chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân; có kiến thức liên ngành liên quan đến Tổ chức quản lý dược.

Kỹ năng

Có kỹ năng tổ chức và quản lý các hoạt động nghề nghiệp; tổ chức triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về dược; phân tích dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin, các kỹ thuật tiên tiến để xử lý những vấn đề thực tiễn tại đơn vị công tác; giao tiếp có hiệu quả; sử dụng được ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu trong quá trình công tác.

Mức tự chủ và trách nhiệm

Tôn trọng luật pháp, đạo đức hành nghề; phản biện các vấn đề bất cập trong quá trình hành nghề; thích nghi, tự định hướng và tự học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.

IV. Chuẩn đầu vào chương trình đào tạo

4.1. Chuẩn đầu vào

Người học phải có bằng Dược sĩ đại học và có chứng chỉ hành nghề dược.

4.2. Danh mục ngành phù hợp đối với người tốt nghiệp trình độ đại học

- Ngành đúng: Dược học
- Ngành phù hợp: Không có

4.3. Những ngoại ngữ được chấp nhận trong chuẩn đầu vào và chuẩn đầu ra

Tiếng Anh, tiếng Pháp.

V. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

5.1. Cấu trúc chương trình đào tạo

Bảng 1: Cấu trúc chương trình đào tạo

TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ
1	Các môn chung	09 (08 LT + 01 TH)
2	Các môn ngành và hỗ trợ	09 (06 LT + 03 TH)
3	Các môn chuyên ngành	52

	<i>Phần bắt buộc</i>	40 (09 LT + 31 TH)
	<i>Phần tự chọn</i>	12
	Tổng cộng	70

LT: Lý thuyết; TH: Thực hành.

5.2. Chương trình đào tạo chi tiết

Bảng 2: Chương trình đào tạo chi tiết

TT	Chương trình cập nhật	TC	LT	TH	Học kỳ			
					1	2	3	4
	<i>Môn chung (09 Tín chỉ)</i>							
1	Triết học	3	3	0	X			
2	Ngoại ngữ	4	4	0	X			
3	Tin học	2	1	1	X			
		9	8	1				
	<i>Môn ngành và hỗ trợ (09 Tín chỉ)</i>							
4	Tổng quan tài liệu và phân tích gộp	3	2	1	X			
5	Đạo đức trong nghiên cứu và hành nghề Dược	3	2	1	X			
6	Quản lý chất lượng toàn diện trong y tế	3	2	1	X			
		9	6	3				
	<i>Môn chuyên ngành bắt buộc (40 Tín chỉ)</i>							
7	Quản lý nhà nước về dược	2	2	0	X			
8	Pháp luật và pháp chế dược	2	1	1		X		
9	Seminar trong xã hội, kinh tế và quản lý dược 1	4	0	4		X		
10	Kỹ năng giao tiếp trong hành nghề Dược	2	0	2		X		
11	Tổ chức và quản lý y tế	3	2	1		X		
12	Quản lý dược bệnh viện	3	3	0		X		
13	Thực hành quản lý dược bệnh viện	4	0	4		X		
14	Seminar trong xã hội, kinh tế và quản lý dược 2	4	0	4			X	
15	Marketing và tiếp cận thị trường dược phẩm	2	1	1			X	
16	Tiểu luận chuyên đề quản lý và kinh tế dược	6	0	6			X	
17	Thực hành tại cơ sở kinh doanh dược	4	0	4			X	
18	Thực hành tại cơ quan quản lý nhà nước về dược	4	0	4			X	

TT	Chương trình cập nhật	TC	LT	TH	Học kỳ			
					1	2	3	4
		40	09	31				
Môn chuyên ngành tự chọn: Học viên chọn tối thiểu 12 tín chỉ								
19	Phân tích chi phí trong y tế	3	3	0				X
20	Đánh giá kinh tế y tế	2	2	0				X
21	Quản trị kinh doanh dược	2	1	1				X
22	Quản trị chiến lược y tế	2	2	0				X
23	Đánh giá chương trình y tế và dược phẩm	3	2	1				X
24	Thực hành dược lâm sàng thực chứng	3	2	1				X
25	Những nguyên lý cơ bản của y học bổ sung và thay thế	3	2	1				X
26	Sinh dược học	3	3	0				X
27	Cảnh giác dược	3	3	0				X
	TỔNG CỘNG	70						

VI. Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Bảng 3: Ma trận quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ (LT-TH)	Chuẩn đầu ra (PLO)										
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
MÔN CHUNG													
CH.1	Triết học	3 (3-0)	3	2	2	1	1	1	1	1	2	2	2
CH.2	Ngoại ngữ	4 (4-0)	2	2	2	1	2	2	3	5	2	2	4
CH.3	Tin học	2 (1-1)	2	2	2	1	2	4	2	2	2	2	4
NGÀNH VÀ HỖ TRỢ													
CS.1	Tổng quan tài liệu và phân tích gộp	3 (2-1)	2	3	3	3	1	4	1	2	2	3	2
CS.2	Đạo đức trong nghiên cứu và hành nghề Dược	3 (2-1)	4	1	1	3	2	2	4	2	5	5	4
CS.3	Quản lý chất lượng toàn diện trong y tế	3 (2-1)	3	3	3	4	2	2	2	2	3	3	2
CHUYÊN NGÀNH BẮT BUỘC													
CN.1	Quản lý nhà nước về dược	2 (2-0)	3	3	3	2	2	2	1	3	3	3	2
CN.2	Pháp luật và pháp chế	2 (1-1)	4	4	5	3	2	2	1	2	3	3	4

Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ (LT-TH)	Chuẩn đầu ra (PLO)										
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	được												
CN.3	Seminar trong xã hội, kinh tế và quản lý được 1	4 (0-4)	4	4	4	5	3	3	3	3	3	3	2
CN.4	Kỹ năng giao tiếp trong hành nghề Dược	2 (0-2)	1	1	2	2	2	2	5	4	3	3	3
CN.5	Tổ chức và quản lý y tế	3 (2-1)	4	4	4	3	4	4	4	4	3	3	2
CN.6	Quản lý dược bệnh viện	3 (3-0)	3	3	3	2	2	2	1	3	3	3	2
CN.7	Thực hành quản lý dược bệnh viện	4 (0-4)	3	4	3	2	1	1	2	3	3	3	2
CN.8	Seminar trong xã hội, kinh tế và quản lý được 2	4 (0-4)	3	4	3	2	1	1	2	3	3	3	2
CN.9	Marketing và tiếp cận thị trường dược phẩm	2 (1-1)	2	2	4	2	2	2	4	3	3	3	3
CN.10	Tiểu luận chuyên đề quản lý và kinh tế dược	6 (0-6)	3	1	3	3	4	4	3	1	3	3	2
CN.11	Thực hành tại cơ sở kinh doanh dược	4 (0-4)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2
CN.12	Thực hành tại cơ quan quản lý nhà nước về dược	4 (0-4)	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	2
CHUYÊN NGÀNH TỰ CHỌN													
CNTC.1	Phân tích chi phí trong y tế	3 (3-0)	3	3	3	4	3	3	1	1	3	3	2
CNTC.2	Đánh giá kinh tế y tế	2 (2-0)	2	2	2	1	3	3	2	2	3	3	2
CNTC.3	Kinh tế trong quản lý y tế	3 (2-1)	4	3	4	4	2	3	2	3	2	4	3
CNTC.4	Ứng dụng y tế công cộng và dịch tễ trong Dược học	2 (2-0)	2	2	2	3	3	4	4	2	3	3	2
CNTC.5	Quản trị kinh doanh dược	2 (1-1)	3	2	3	2	1	3	2	1	3	3	2

Mã môn học	Môn học	Số tín chỉ (LT-TH)	Chuẩn đầu ra (PLO)										
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
CNTC.6	Quản trị chiến lược y tế	2 (2-0)	2	1	2	2	1	3	2	1	3	3	2
CNTC.7	Đánh giá chương trình y tế và được phẩm	3 (2-1)	3	3	3	3	1	4	2	2	3	3	2
CNTC.8	Thực hành được lâm sàng thực chứng	3 (2-1)	3	3	3	5	2	2	2	2	3	3	2
CNTC.9	Những nguyên lý cơ bản của y học bổ sung và thay thế	3 (2-1)	3	3	3	4	1	1	2	1	3	3	2
CNTC.10	Sinh được học	3 (3-0)	3	3	3	4	1	2	2	1	3	3	2
CNTC.11	Cảnh giác được	2 (1-1)	3	3	3	3	1	2	1	2	3	3	2

1: Không đáp ứng

2: Ít đáp ứng

3: Đáp ứng trung bình

4: Đáp ứng nhiều

5: Đáp ứng rất nhiều

VII. Tổ chức dạy học và phương pháp giảng dạy

Nội dung thể hiện ở Đề cương chi tiết từng học phần.

7.1. Tổ chức dạy học

Tổ chức dạy học trực tiếp: Trường tổ chức dạy học trực tiếp hầu hết cho tất cả các học phần theo từng lớp học, theo thời khóa biểu của từng học kỳ. Trường có hệ thống phòng học đáp ứng các điều kiện đảm bảo chất lượng phục vụ cho hoạt động dạy và học. Bên cạnh đó hệ thống các phòng thực tập tại cơ sở và thực hành tại các bệnh viện được trang bị nhiều thiết bị đáp ứng nhu cầu dạy học, trong đó có nhiều thiết bị hiện đại và đạt chuẩn quốc tế.

Tổ chức dạy học trực tuyến: Trường có nguồn tài nguyên học liệu đa phương tiện trên nền tảng số cho tất cả các học phần của chương trình đào tạo, có các phòng học đa phương tiện, phòng ghi hình/ghi âm bài giảng phục vụ cho đào tạo trực tuyến. Trong cấu trúc từng học phần/ học phần có phương án chuyển đổi giảng dạy theo hình thức kết hợp với trọng số không quá 30% thời lượng được giảng dạy trên nền tảng số đảm bảo trong mọi tình huống thiên tai, dịch bệnh vẫn đáp ứng quy định, yêu cầu dạy và học một cách

tốt nhất có thể.

7.2. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy được thiết kế theo cách tiếp cận lấy người học làm trung tâm và chủ thể của quá trình đào tạo, thúc đẩy người học phát huy chủ động và nỗ lực tham gia các hoạt động học tập; định hướng hiệu quả để người học đạt được chuẩn đầu ra của mỗi học phần, mỗi thành phần và của cả chương trình đào tạo.

Bảng 4: Quan hệ giữa phương pháp giảng dạy và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra (PLO)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Phương pháp thuyết giảng (Lecture) có lồng ghép dạy học tích cực (Active learning)	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Dạy học lâm sàng có người bệnh				x			X		X		
Dạy học lâm sàng không có người bệnh		X	X	X	X	X	X		X	X	
Thảo luận ca lâm sàng (Case based Discussion)	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X
Dạy học dựa trên vấn đề/nghiên cứu (Problem/Research based learning)		X	X	X	X	X			X	X	X
Trình bày tiểu luận/chuyên đề nghiên cứu (Thematic-based learning)	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X

7.3. Học liệu

- Tài liệu học tập chính: thể hiện ở Đề cương chi tiết từng học phần.
- Tài liệu tham khảo: thể hiện ở Đề cương chi tiết từng học phần.

VIII. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Nội dung thể hiện ở Đề cương chi tiết từng học phần.

Chương trình đào tạo áp dụng 2 phương pháp đánh giá chính là đánh giá quá trình và đánh giá kết thúc. Tùy thuộc từng học phần, việc đánh giá được áp dụng có thể nhiều hơn các hình thức trong bản mô tả chương trình đào tạo này.

8.1. Đánh giá quá trình

Đây là hoạt động thường xuyên, liên tục nhằm hỗ trợ người dạy và người học tự đánh giá, xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong từng buổi học, làm cơ sở cho hoàn thành từng tín chỉ, học phần của chương trình đào tạo.

8.2. Đánh giá kết thúc học phần

Đây là hoạt động do Trường tổ chức khi kết thúc học kỳ hoặc khi kết thúc học phần trong chương trình đào tạo. Hình thức thi và các quy định liên quan được quy định trong Quy định thi và tổ chức thi kết thúc học phần của Trường.

Bảng 5: Quan hệ giữa phương pháp kiểm tra đánh giá với chuẩn đầu ra

Phương pháp kiểm tra, đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLO)										
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
Tự luận câu hỏi ngắn	X	X	X	X	X	X			X	X	
Trắc nghiệm nhiều lựa chọn	X	X	X	X	X	X		X	X		
Thuyết trình		X		X	X	X	X	X	X	X	X
Tiểu luận	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
Báo cáo chuyên đề/thực tập		X	X	X	X	X	X		X	X	X

